

Số: /ĐA-SGDĐT

Hưng Yên, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên**

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Hưng Yên: Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 05/10/2023 triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 về việc thành lập Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên;

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, được thành lập từ ngày 28/5/2025 theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở hợp nhất Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ và Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu.

Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ và Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu (khi trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) có vị trí pháp lý là cơ sở trợ giúp xã hội; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quy định của

UBND tỉnh Hưng Yên (cũ) tại Quyết định số 1888/QĐ-UBND¹ và 1889/QĐ-UBND ngày 25/10/2012².

Sau khi hợp nhất theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 28/5/2025, Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên tạm thời thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND và 1889/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên và các quy định của pháp luật có liên quan.

Tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 về việc thành lập Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên có nêu “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Trường giáo dục chuyên biệt sẽ được thể chế hóa trong Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh về Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường giáo dục chuyên biệt Hưng Yên”.

Do đó, việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên với vai trò, vị trí là cơ sở giáo dục chuyên biệt là hết sức cần thiết, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với đổi mới hệ thống chính trị, cải cách hành chính; đồng thời, giúp nhà trường tổ chức hoạt động chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật, phát huy được vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em khuyết tật, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

1.1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.2. Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.3. Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 25/11/2024 của Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.

1.4. Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

¹ Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy và biên chế của Trường Phục hồi chức năng và Dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

² Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy và biên chế của Trường Phục hồi chức năng và Dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội

1.5. Kết luận số 822-KL/TU ngày 30/12/2024 của Hội nghị lần thứ 35 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

1.6. Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo của Chính phủ về kế hoạch, định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

1.7. Công văn số 22-CV/BCĐ ngày 05/12/2024 của Ban chỉ đạo Trung ương về việc triển khai nhiệm vụ tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

1.8. Công văn số 24/CV-BCĐ ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

1.9. Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

1.10. Kế hoạch số 373-KH/TU ngày 12/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên.

1.11. Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2026.

1.12. Công văn số 3003-CV/TU ngày 09/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị và công tác cán bộ.

1.13. Công văn số 436-CV/BCSĐ ngày 16/12/2024 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 373-KH/TU ngày 12/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.14. Thông báo số 2076-TB/TU ngày 07/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2025.

1.15. Kết luận số 924-KL/TU ngày 26/6/2025 Hội nghị lần thứ 40 ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

2. Cơ sở pháp lý

2.1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025.

2.2. Luật Viên chức ngày 15/11/2010.

2.3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

2.4. Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.

2.5. Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.

2.6. Luật Trẻ em ngày 05/4/2016.

2.7. Luật người khuyết tật ngày 07/6/2010.

2.8. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2.9. Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 115/2020/NQ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2.10. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2.11. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2.12. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2.13. Nghị định số 147/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

2.14. Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

2.15. Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

2.16. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa – Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2.17. Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

2.18. Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.

2.19. Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

2.20. Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên.

2.21. Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ

máy và biên chế của Trường Phục hồi chức năng và Dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

2.22. Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy và biên chế của Trường Phục hồi chức năng và Dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

2.23. Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 về việc thành lập Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên.

2.24. Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

2.25. Công văn số 755/UBND-NC ngày 09/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

2.26. Công văn số 1541/SNV-TCBC ngày 12/8/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện Văn bản số 755/UBND-NC ngày 09/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA TRƯỜNG GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT HƯNG YÊN

I. Vị trí, chức năng

1. Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, dành cho đối tượng học sinh khuyết tật cần các yêu cầu giáo dục đặc biệt theo phương thức giáo dục chuyên biệt với mục tiêu bảo đảm quyền được tham gia giáo dục, mở ra cơ hội học tập và học tập suốt đời với học sinh khuyết tật.

2. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động, có chức năng tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng, tổ chức dạy văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề, tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí; can thiệp sớm, hỗ trợ hòa nhập, phục hồi chức năng và cung cấp một số dịch vụ công tác xã hội cho trẻ em khuyết tật, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trụ sở của làm việc

Cơ sở 1: Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

Cơ sở 2: Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Nhiệm vụ, quyền hạn

Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên tạm thời thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo các Quyết định: số 1888/QĐ-UBND và số 1889/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện theo quy định tại Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016; Luật người khuyết tật ngày 07 tháng 6 năm 2010; các văn bản khác của Nhà nước có liên quan; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Trường giáo dục chuyên biệt sẽ được thể chế hóa trong Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh về Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường giáo dục chuyên biệt Hưng Yên.

Khi Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật có hiệu lực (ngày 01/7/2025), Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy và biên chế của Trường chuyên biệt Hưng Yên.

III. Tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Về tổ chức bộ máy

a) Lãnh đạo Trường gồm: Hiệu trưởng và không quá 02 Phó hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng là người đứng đầu Trường, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Lao động - Thương binh & Xã hội và trước pháp luật về nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc và toàn bộ hoạt động của Trường.

- Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng Trường phụ trách một hoặc một số công việc, lĩnh vực công tác cụ thể do Hiệu trưởng phân công, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về các công việc, lĩnh vực công tác được giao. Khi Hiệu trưởng vắng mặt, một Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền điều hành các hoạt động của Trường.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng Trường thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

b) Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thuộc Trường gồm 05 tổ

- Tổ Văn phòng
- Tổ Dạy văn hoá;
- Tổ Giáo dục kỹ năng và can thiệp cá nhân;
- Tổ Hướng nghiệp và dạy nghề.

- Tổ Quản lý và chăm sóc

2. Tình hình biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động

a) Số biên chế được tạm giao năm 2025:

Theo Quyết định số 559/QĐ-SGDĐT ngày 23/5/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng trong các trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025: tổng số 100 biên chế viên chức và 22 lao động hợp đồng. Trong đó: Trường phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu (cũ) 50 biên chế, 11 lao động hợp đồng và Trường phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ (cũ) 50 biên chế, 11 lao động hợp đồng.

- Số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn NSNN : 100 người;

Trong đó:

+ Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý : 05 người;

+ Nhóm VTVL CDNN chuyên ngành : 90 người;

+ Nhóm VTVL chuyên môn dùng chung : 05 người;

- Lao động Hợp đồng theo ND 111/2022/ND-CP (Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ) : 22 người;

b) Số lượng viên chức, người lao động hiện có mặt (tính đến 01/8/2025)

- Số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn NSNN : 96 người;

trong đó:

+ Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý : 04 người;

+ Nhóm VTVL CDNN chuyên ngành : 84 người;

+ Nhóm VTVL chuyên môn dùng chung : 04 người;

- Lao động Hợp đồng theo ND 111/2022/ND-CP : 21 người;

- Lao động vệ sinh môi trường hợp đồng thời vụ : 01 người;

3. Chất lượng viên chức:

- Về độ tuổi:

+ Từ 32 tuổi đến 40 tuổi : 58 người;

+ Từ 41 tuổi đến 50 tuổi : 33 người;

+ Trên 50 tuổi : 06 người.

- Về trình độ chuyên môn:

+ Thạc sỹ : 02/96 người

+ Đại học : 91/96 người;

+ Cao đẳng : 03/96 người;

- + Trung cấp : 0 người.
- + Sơ cấp : 0 người
- Lý luận chính trị:
- + Cao cấp : 02/96 người,
- + Trung cấp : 13/96 người
- Chức danh nghề nghiệp viên chức:
- + Hạng II và tương đương : 16/96 người;
- + Hạng III và tương đương : 67/96 người;
- + Hạng IV và tương đương : 13/96 người

(Có Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 đính kèm)

IV. Cơ sở vật chất, tài chính, ngân sách

1. Cơ sở 1

1.1. Cơ sở vật chất

a) Tổng diện tích đất được cấp: 5.340 m² (hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất).

Nhà cửa, vật kiến trúc, hạ tầng cơ sở trên đất gồm: 01 khu nhà 3 tầng (gồm nhà hiệu bộ và lớp học); 01 khu nhà nội trú 3 tầng (gồm: hội trường, bếp và nhà ăn, nhà ở cho học sinh); 01 nhà xưởng 2 tầng bố trí lớp học nghề; 01 nhà bảo vệ, nhà xử lý nước sạch, lán xe và hệ thống cống, tường bao.

b) Hiện trạng sử dụng đất

- Tổng diện tích đất: 5.340 m²
- Tổng diện tích xây dựng trụ sở: 1.215 m²
- Tổng diện tích sàn sử dụng: 3.070 m²
- Diện tích cho mượn: 0 m².
- Diện tích cho thuê: 0 m².
- Diện tích đã bố trí làm nhà ở, đất ở: 0 m².
- Khu vệ sinh công cộng ngoài trời phục vụ đối tượng: 100 m².
- Nhà bơm và 2 bể chứa nước ngoài trời 70 m²
- Diện tích còn lại (khu vui chơi, sân cỏ nhân tạo, sân bê tông...): 3.955 m²

STT	Nhà và công trình gắn liền với đất	Diện tích xây dựng nhà (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Số tầng	Hiện trạng sử dụng	Đối tượng sử dụng
-----	------------------------------------	--	---	---------	--------------------	-------------------

1	Khối nhà hiệu bộ và lớp học	360	1080	3	Được xây dựng từ năm 1999-2000, sử dụng để làm phòng làm việc của cán bộ, viên chức và làm phòng học của học sinh	Cán bộ, giáo viên, học sinh
2	Khối ở nội trú, nhà ăn, hội trường	380	1140	3	Được xây dựng từ năm 1999 - 2000, làm nhà bếp, nhà ăn cho học sinh khuyết tật. Năm 2010 được nâng cấp lên thành 03 tầng để làm Hội trường và thêm phòng ở.	Học sinh nội trú, cán bộ phục vụ
3	Khối nhà xưởng thực hành nghề	375	750	2	diện tích sử dụng làm nhà xưởng học nghề với 3 lớp May và 01 lớp Tin học tại tầng 2, tầng 1 được sử dụng làm phòng chơi, phòng xem tivi, phòng kỹ năng sống, thư viện, phòng y tế, phòng sửa	Học sinh học nghề, cán bộ chuyên môn
4	Công trình phụ trợ (nhà bảo vệ, tắm, vệ sinh...)	170	170		Lán xe, khu nhà tắm, vệ sinh chung cho đối tượng, phòng bơm, bể chứa nước	Học sinh, cán bộ

1.2. Tài chính, ngân sách

a) Dự toán được sử dụng trong năm : 22.723.051.049 đồng;

- Kinh phí tự chủ : 13.770.999.049 đồng;

+ Dự toán giao đầu năm	: 13.770.999.049 đồng;
+ Dự toán năm trước chuyển sang	: 0 đồng;
- Kinh phí không tự chủ	: 8.952.052.000 đồng;
+ Dự toán giao đầu năm	: 8.952.052.000 đồng;
+ Dự toán năm trước chuyển sang	: 0 đồng;
b) Kinh phí đã sử dụng đến 28/02/2025:	3.105.658.727 đồng;
- Kinh phí tự chủ	: 2.141.006.737 đồng;
- Kinh phí không tự chủ	: 964.651.990 đồng;
c) Kinh phí còn dư tại kho bạc	: 19.617.392.322 đồng;
- Kinh phí tự chủ	: 11.629.992.312 đồng;
- Kinh phí không tự chủ	: 7.987.400.010 đồng;

2. Cơ sở 2

2.1. Chỉ tiêu tổng hợp nhà, đất:

Tổng diện tích đất: 7.922 m² (hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất).

Diện tích xây dựng: 2.158 m²

a) Tổng số ngôi nhà: 09 ngôi.

b) Tổng diện tích nhà:

- Tổng diện tích xây dựng nhà: 2.073 m²

- Tổng diện tích sàn sử dụng: 3.438 m²

c) Diện tích xây dựng công trình khác gắn liền với đất(nếu có): Khu vệ sinh công cộng ngoài trời phục vụ đối tượng: 85 m².

2.2. Hiện trạng sử dụng đất:

- Diện tích sử dụng vào mục đích làm việc của cơ sở hoạt động sự nghiệp: 2.073 m².

- Diện tích cho mượn: 0 m².

- Diện tích cho thuê: 0 m².

- Diện tích đã bố trí làm nhà ở, đất ở: 0 m².

- Diện tích sử dụng vào mục đích khác (ghi cụ thể mục đích sử dụng): Khu vệ sinh công cộng ngoài trời phục vụ đối tượng: 85 m².

2.3. Hiện trạng sử dụng nhà

STT	Nhà và công trình gắn liền với đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng	Số tầng	Hiện trạng sử dụng	Đối tượng sử dụng	Ghi chú
1	Nhà hiệu bộ	310	620	02 tầng	Được xây dựng từ năm 2010 gồm 10 phòng để làm phòng làm việc của cán bộ, viên chức, người lao động và làm phòng họp.	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
2	Nhà lớp học	330	990	03 tầng	Được xây dựng từ năm 2001 gồm 18 phòng, diện tích sử dụng để làm phòng học cho đối tượng	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
3	Nhà ở nội trú	491	886	02 tầng	Được xây dựng từ năm 2005 gồm 17 phòng, diện tích sử dụng để làm phòng ở cho đối tượng.	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
4	Nhà bếp ăn tập thể	365	365	01 tầng	Được xây dựng từ năm 2005, diện tích sử dụng để chế biến thực phẩm, bếp ăn cho đối tượng	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
5	Nhà xưởng dạy nghề	225	225	01 tầng	Được xây dựng năm 2003 gồm 02 xưởng học nghề, diện tích sử dụng làm xưởng dạy nghề may công nghiệp, xưởng cơ khí cho đối tượng	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
6	Nhà can thiệp, trị liệu, Phục hồi chức năng, tâm vận động, vật lý trị liệu	252	252	01 tầng	Được xây dựng năm 2012, gồm 4 phòng, diện tích sàn xây dựng 252 m ² , diện tích sử dụng để làm phòng can thiệp, phòng trị liệu, phòng tâm vận động, vật lý trị liệu	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	

					cho đối tượng		
7	Nhà để xe ô tô, nhà kho	65	65	01 tầng	Được xây dựng năm 2012. Diện tích được sử dụng để xe ô tô và kho.	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
8	Nhà bảo vệ	11	11	01 tầng	Được xây dựng năm 2010, diện tích sàn xây dựng 11 m ² , diện tích sử dụng để làm phòng bảo vệ.	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
9	Nhà y tế	24	24	01 tầng	Được xây dựng năm 2010, diện tích sàn xây dựng 24 m ² , diện tích sử dụng để làm phòng y tế, phòng cách ly.	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	
10	Công trình khác gắn liền với đất.	85 m ²	85 m ²		Diện tích được sử dụng làm khu vệ sinh công cộng ngoài trời phục vụ đối tượng.	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	

2.4. Tài chính, ngân sách

- a) Dự toán được sử dụng trong năm : 23.609.722.281 đồng;
- Kinh phí tự chủ : 13.376.422.281 đồng;
 - + Dự toán giao đầu năm : 13.266.000.000 đồng;
 - + Dự toán năm trước chuyển sang : 110.422.281 đồng;
 - Kinh phí không tự chủ : 10.233.300.000 đồng;
 - + Dự toán giao đầu năm : 10.119.000.000 đồng;
 - + Dự toán năm trước chuyển sang : 114.300.000 đồng;
- b) Kinh phí đã sử dụng đến 28/02/2025: 3.882.121.005 đồng;
- Kinh phí tự chủ : 2.201.952.664 đồng;
 - Kinh phí không tự chủ : 1.680.168.341 đồng;
- c) Kinh phí còn dư tại kho bạc : 19.727.601.276 đồng;
- Kinh phí tự chủ : 11.174.469.617 đồng;
 - Kinh phí không tự chủ : 8.085.131.659 đồng;

V. Thực hiện chính sách đối với viên chức và học viên

1. Đối với viên chức, người lao động

- Phụ cấp chức vụ lãnh đạo: Áp dụng tiểu mục 5, Khoản 1, Phần IV Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT³ và Quyết định số 125/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh⁴, áp dụng mức phụ cấp 0,7 mức lương cơ sở đối với hiệu trưởng; 0,55 mức lương cơ sở đối với phó hiệu trưởng.

- Phụ cấp nhà giáo: Bao gồm các chế độ: phụ cấp thâm niên nhà giáo; phụ cấp ưu đãi nghề; phụ cấp trách nhiệm. Cụ thể như sau:

+ Phụ cấp thâm niên nhà giáo: thực hiện theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP.

+ Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên dạy văn hóa: Áp dụng Điều 6, Nghị định 61/2006/NĐ-CP⁵, thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm hệ số 0,3 mức lương cơ sở; áp dụng Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP, thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề mức 70% lương hiện hưởng.

+ Đối với giáo viên dạy nghề: Áp dụng Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP⁶ thực hiện phụ cấp trách nhiệm hệ số 0,3 mức lương cơ sở; phụ cấp ưu đãi nghề mức 70% lương hiện hưởng.

- Phụ cấp đối với nhân viên:

+ Áp dụng Khoản 3, Điều 8, Nghị định 26/2016/NĐ-CP⁷, thực hiện chế độ phụ cấp mức 50% đối với viên chức và người lao động thường xuyên, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh khuyết tật.

+ Áp dụng Khoản 5, Điều 8, Nghị định 26/2016/NĐ-CP, thực hiện chế độ phụ cấp mức 30% đối với viên chức và người lao động không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh khuyết tật.

- Các chế độ khác

+ Phụ cấp độc hại, nguy hiểm: Áp dụng Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 11/2007/QĐ-BLĐTBXH⁸, thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm hệ số 0,1 mức lương cơ sở đối với viên chức và người lao động làm công tác chăm sóc và nuôi dưỡng học sinh khuyết tật.

+ Chế độ phụ cấp các ca trực: theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày

³ Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập.

⁴ Quyết định số 125/2006/QĐ-UBND ngày 04/10/2006 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân hạng các trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

⁵ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

⁶ Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 Quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

⁷ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 Quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập

⁸ Quyết định số 11/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/4/2007 của Bộ Lao động TBXH về Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị nghiệp công lập Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

18/01/2016 của UBND tỉnh⁹.

2. Đối với học sinh

Học sinh được tuyển vào học tại Trường Giáo dục chuyên biệt được hưởng chế độ **như đối với đối tượng bảo trợ xã hội**:

+ Được trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng bằng 05 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội, hỗ trợ tiền ăn thêm ngày lễ, tết theo **Nghị quyết 536/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh¹⁰**.

+ Học sinh học tập tại trường không phải đóng học phí;

+ Được hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập, quần áo; thuốc chữa bệnh thông thường; bảo hiểm y tế các khoản sinh hoạt phí khác.

Phần thứ ba

NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT HƯNG YÊN

I. LOẠI HÌNH VÀ TÊN GỌI

1. Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Tên gọi: **Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên¹¹**

3. Trụ sở làm việc

Cơ sở 1: Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Cơ sở 2: Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Vị trí, chức năng

1.1. Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên (sau đây gọi là Trường) thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, dành cho đối tượng học sinh khuyết tật cần các yêu cầu giáo dục đặc biệt theo phương thức giáo dục chuyên biệt với mục tiêu bảo đảm quyền được tham gia giáo dục, mở ra cơ hội học tập và học tập suốt đời đối với học sinh khuyết tật

⁹ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mức chi phụ cấp trực y tế và hỗ trợ chi trạch quản lý, chăm sóc đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm bảo trợ xã hội, Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ, Khoái Châu trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

¹⁰ Thực hiện theo Nghị quyết 536/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

¹¹ Tên trường sau khi hợp nhất được đặt theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.

1.2. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động; thực hiện chức năng giáo dục chuyên biệt gắn với bảo trợ xã hội đối với trẻ em khuyết tật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

1.3. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024, Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề, giáo dục kỹ năng đặc thù và can thiệp cá nhân, hỗ trợ hòa nhập, phục hồi chức năng và cung cấp một số dịch vụ công tác xã hội cho trẻ em khuyết tật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Luật Giáo dục; Luật Giáo dục nghề nghiệp; Luật Người khuyết tật; Luật Trẻ em và các quy định của pháp luật có liên quan. Cụ thể như sau:

2.1. Xây dựng kế hoạch trình cơ quan có thẩm quyền phối hợp tổ chức hoạt động can thiệp về y tế, phục hồi chức năng cho học sinh khuyết tật.

2.2. Thực hiện nhiệm vụ về giáo dục học sinh khuyết tật: can thiệp giáo dục sớm, hỗ trợ giáo dục hòa nhập khi được cấp có thẩm quyền giao. Các hoạt động này thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.3. Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, giáo dục các đối tượng sau:

a) Trẻ em khuyết tật từ 06 đến 16 tuổi còn khả năng học tập và phục hồi chức năng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức thu nhập dưới mức trung bình, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản;

b) Người khuyết tật chưa thành niên từ đủ 16 đến 18 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, có hoàn cảnh gia đình như đối tượng tại điểm a nêu trên;

c) Trẻ em khuyết tật dưới 06 tuổi có hoàn cảnh gia đình như đối tượng tại điểm a nêu trên, có nhu cầu can thiệp sớm.

d) Các đối tượng xã hội khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2.4. Tổ chức tuyển sinh, quyết định tiếp nhận học sinh khuyết tật trên cơ sở quy trình, thủ tục về tiếp nhận đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội quy định tại các nghị định của Chính phủ: số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 147/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và văn bản các văn bản hướng dẫn thực hiện và sửa đổi, bổ sung (nếu có) theo hiệu lực văn bản.

2.5. Quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy học đối với học sinh khuyết tật theo hình thức nội trú, theo chế độ trợ cấp hằng tháng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2.6. Tổ chức dạy kỹ năng đặc thù, thực hiện các biện pháp giáo dục chuyên sâu, can thiệp sớm cho học sinh khuyết tật.

Tổ chức dạy kỹ năng đặc thù, trị liệu ngôn ngữ và can thiệp cá nhân nhằm giảm căng thẳng, tăng khả năng tương tác và giao tiếp.

2.7. Tổ chức dạy văn hóa cấp Tiểu học cho trẻ em khuyết tật từ 06 đến 16 tuổi có khả năng học văn hóa theo chương trình Giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục chuyên biệt được xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục tiểu học và giáo dục mầm non.

2.8. Định hướng nghề nghiệp và đào tạo nghề theo hình thức tập nghề phù hợp với nhận thức và khả năng của học sinh khuyết tật từ 13 tuổi trở lên.

2.9. Giáo dục đạo đức, giáo dục thể chất, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, vui chơi, giải trí lành mạnh và phù hợp với sức khỏe của học sinh khuyết tật.

2.10. Thực hiện nhiệm vụ về giáo dục học sinh khuyết tật: can thiệp giáo dục sớm, hỗ trợ giáo dục hòa nhập khi được cấp có thẩm quyền giao.

2.11. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; bảo vệ, giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong nhà trường.

2.12. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ sở chuyên môn y tế tổ chức các hoạt động can thiệp về y tế, phục hồi chức năng cho học sinh khuyết tật theo quy định của pháp luật.

2.13. Được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với học sinh khuyết tật theo quy định của pháp luật và của tỉnh.

2.14. Được tiếp nhận các khoản viện trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục học sinh khuyết tật theo quy định.

2.15. Tổ chức áp dụng các mô hình quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường; bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho cán bộ, viên chức và người lao động của nhà trường.

2.16. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế cán bộ, viên chức và người lao động; quản lý tài sản, tài chính của trường theo quy định của pháp luật và của tỉnh; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng tiêu cực.

2.17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo giao theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo Trường: Hiệu trưởng và không quá 02 Phó Hiệu trưởng.

3.2. Các Tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng thuộc Trường

Tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng của Trường giáo dục chuyên biệt áp dụng

theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục cùng cấp học, loại hình. Các Tổ chuyên môn và Tổ Văn phòng do Hiệu trưởng nhà Trường quyết định thành lập và bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó theo quy định.

4. Biên chế sự nghiệp, hợp đồng lao động

4.1. Số biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Trường được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao.

4.2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm, Hiệu trưởng có trách nhiệm xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm (nếu có), cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

4.3. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, nâng bậc lương, chuyển ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, điều động, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với viên chức, người lao động thuộc Trường phải căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cơ chế tài chính

a) Cơ chế tài chính của Trường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Trường có trách nhiệm xây dựng Phương án tự chủ tài chính trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các quy định của pháp luật có liên quan và theo Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Phương án sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý, viên chức, người lao động

- Số lượng Lãnh đạo Trường theo quy định là 03 người: Hiệu trưởng và không quá 02 Phó Hiệu trưởng.

- Số lượng Lãnh đạo Trường hiện có mặt: 04 người: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng. Số lượng Phó Hiệu trưởng vượt quy định 01 người, tuy nhiên 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng đã có Đơn xin nghỉ hưu trước tuổi và Sở Giáo dục và Đào tạo đã trình UBND tỉnh phê duyệt.

7. Quy định chuyển tiếp

a) Việc sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định thực hiện trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày thành lập.

b) Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính mà vẫn là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chính sách đối với viên chức và học viên

8.1. Đối với viên chức

- Phụ cấp chức vụ lãnh đạo: Áp dụng tiểu mục 5, Khoản 1, Phần IV Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT¹² và Quyết định số 125/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh¹³, áp dụng mức phụ cấp 0,7 mức lương cơ sở đối với hiệu trưởng; 0,55 mức lương cơ sở đối với phó hiệu trưởng.

- Phụ cấp nhà giáo:

Bao gồm các chế độ: phụ cấp thâm niên nhà giáo; phụ cấp ưu đãi nghề; phụ cấp trách nhiệm. Cụ thể như sau:

+ Phụ cấp thâm niên nhà giáo: thực hiện theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP.

+ Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên dạy văn hóa: Áp dụng Điều 6, Nghị định 61/2006/NĐ-CP¹⁴, thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm hệ số 0,3 mức lương cơ sở; áp dụng Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP, thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề mức 70% lương hiện hưởng.

+ Đối với giáo viên dạy nghề: Áp dụng Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP¹⁵ thực hiện phụ cấp trách nhiệm hệ số 0,3 mức lương cơ sở; phụ cấp ưu đãi nghề mức 70% lương hiện hưởng.

- Phụ cấp đối với nhân viên:

+ Áp dụng Khoản 3, Điều 8, Nghị định 26/2016/NĐ-CP¹⁶, thực hiện chế độ phụ cấp mức 50% đối với viên chức và người lao động thường xuyên, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh khuyết tật.

+ Áp dụng Khoản 5, Điều 8, Nghị định 26/2016/NĐ-CP, thực hiện chế độ

¹² Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập.

¹³ Quyết định số 125/2006/QĐ-UBND ngày 04/10/2006 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân hạng các trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

¹⁴ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

¹⁵ Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 Quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

¹⁶ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 Quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập

phụ cấp mức 30% đối với viên chức và người lao động không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh khuyết tật.

- Các chế độ khác

+ Phụ cấp độc hại, nguy hiểm: Áp dụng Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 11/2007/QĐ-BLĐTBXH¹⁷, thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm hệ số 0,1 mức lương cơ sở đối với viên chức và người lao động làm công tác chăm sóc và nuôi dưỡng học sinh khuyết tật.

+ Chế độ phụ cấp các ca trực: theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh¹⁸.

8.2. Đối với học sinh

Học sinh được tuyển vào học tại Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ được hưởng chế độ **như đối với đối tượng bảo trợ xã hội**:

+ Được trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng bằng 05 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội, hỗ trợ tiền ăn thêm ngày lễ, tết theo [Nghị quyết 536/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh](#)¹⁹.

+ Học sinh học tập tại trường không phải đóng học phí;

+ Được hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập, quần áo; thuốc chữa bệnh thông thường; bảo hiểm y tế các khoản sinh hoạt phí khác.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Thời gian triển khai thực hiện Đề án: Hoàn thành trong tháng 8/2025.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì, tổng hợp tiếp thu, gửi Sở Tư pháp, Sở Nội vụ thẩm định Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên của chủ tịch UBND tỉnh; chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện của Trường giáo dục chuyên biệt Hưng Yên, kịp thời báo cáo Giám đốc Sở những khó khăn, vướng mắc để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

¹⁷ Quyết định số 11/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/4/2007 của Bộ Lao động TBXH về Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

¹⁸ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mức chi phụ cấp trực y tế và hỗ trợ chi trwch quản lý, chăm sóc đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm bảo trợ xã hội, Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ, Khoái Châu trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

¹⁹ Thực hiện theo Nghị quyết 536/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Trường giáo dục chuyên biệt Hưng Yên

a) Xây dựng, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc, Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, Quy chế hoạt động, Quy chế chi tiêu nội bộ và các Quy chế khác theo quy định sau khi có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết các công việc còn tồn đọng; bố trí cán bộ, viên chức với từng nhiệm vụ cụ thể đi vào hoạt động ngay sau khi thành lập.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

1.1. Xem xét, phê duyệt Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

1.2. Quan tâm phân bổ chỉ tiêu biên chế viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP phù hợp với vị trí việc làm, tạo điều kiện để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ:

2.1. Thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định tổ chức lại và quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2.2 Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trên đây là Đề án quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường giáo dục chuyên biệt Hưng Yên. Kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phạm Đồng Thụy